

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: .../QĐ-ĐHSPHN2 ngày ... tháng ... năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2)

Tên chương trình:

*Tiếng Việt: Ngôn ngữ Anh*

*Tên tiếng Anh: English Language*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh;

Mã số: 7140231

Tên gọi văn bằng: Cử nhân Ngôn ngữ Anh

Định hướng đào tạo: Ứng dụng

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể:

- Đảm nhận các vị trí công tác như biên dịch viên, phiên dịch viên, nhân viên văn phòng, thư ký, trợ lý văn phòng, nhân viên hành chính, hướng dẫn viên du lịch, nhân viên khách sạn;

- Làm giáo viên tiếng Anh tại các trường phổ thông và các cơ sở giáo dục khác sau khi được bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- Làm việc trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, xuất bản, báo chí - truyền thông,...

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể:

- Tiếp tục học tập và nâng cao trình độ ở bậc sau đại học (Thạc sỹ, Tiến sỹ) chuyên ngành ngôn ngữ Anh, giảng dạy tiếng Anh và giáo dục học.

- Tham gia các chương trình, khóa đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các tổ chức đào tạo trong nước và quốc tế.

Thời điểm điều chỉnh CTĐT: Tháng 9/2022

### 1. Mục tiêu

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực nghề nghiệp vững vàng để đảm nhiệm hiệu quả công tác biên-phiên dịch, hành chính-văn phòng, du lịch và các công tác khác trong môi trường làm việc sử dụng tiếng Anh.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

*Đào tạo cử nhân chuyển ngành Ngôn ngữ Anh*

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
M1	Có phẩm chất chính trị, ý thức công dân, ý thức rèn luyện nâng cao đạo đức và tác phong nghề nghiệp;
M2	Có năng lực nền tảng (giải quyết vấn đề, tự chủ, hợp tác, phản biện, khởi nghiệp) để tiến hành hiệu quả các hoạt động học tập và chuyên môn
M3	Nắm vững kiến thức ngôn ngữ Anh, văn hoá các nước nói tiếng Anh và kỹ năng sử dụng tiếng Anh
M4	Nắm vững kiến thức và kỹ năng biên-phiên dịch Anh-Việt và Việt-Anh
M5	Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và điều hành công tác hành chính - văn phòng hoặc công tác du lịch
M6	Có khả năng tư vấn, hỗ trợ và hợp tác với đối tác và khách hàng
M7	Có khả năng phát triển nghề nghiệp của bản thân
M8	Có khả năng thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành ngôn ngữ Anh
M9	Có đủ sức khoẻ để học tập và công tác, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

## 2. Chuẩn đầu ra

### 2.1. Nội dung chuẩn đầu ra

<b>Mã</b>	<b>Mô tả</b>
C1	Tuân thủ chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thể hiện được thế giới quan và phương pháp luận khoa học trước các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống;
C2	Có tác phong và cách thức làm việc phù hợp với công việc đặc thù, vị trí công tác;
C3	Sử dụng ngôn ngữ và các loại phương tiện phi ngôn ngữ linh hoạt để trình bày thông tin, đàm phán và lập luận; và giải quyết các vấn đề cơ bản về chuyên môn, nghề nghiệp một cách hiệu quả;
C4	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về ngôn ngữ tiếng Anh trong giao tiếp;
C5	Vận dụng được các kiến thức cơ sở về văn hóa của các nước nói tiếng Anh và đối chiếu với văn hóa Việt Nam để giao tiếp thành công trong môi trường đa văn hoá;
C6	Đạt được trình độ tiếng Anh tương đương bậc 5 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;
C7	Vận dụng hiệu quả kiến thức và kỹ năng biên - phiên dịch vào công tác liên quan đến dịch thuật;
C8	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin trong công việc;
C9	Khai thác hiệu quả các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ trong hoạt động chuyên môn;
C10	Tư vấn, hỗ trợ và phát triển quan hệ, hợp tác với đối tác và khách hàng hiệu quả;
C11	Chủ động nghiên cứu, cập nhật kịp thời yêu cầu đổi mới về kiến thức chuyên môn; tham gia nghiêm túc và đầy đủ các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của cơ quan công tác, hỗ trợ đồng nghiệp phát triển chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu của công việc;
C12	Đạt trình độ ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
C13	Áp dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để triển khai các đề tài nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn có liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;
C14	Tự rèn luyện và phát triển thể chất thông qua tập luyện một số môn thể dục, thể thao;

## 2.2. Ma trận Chuẩn đầu ra - Mục tiêu

Chuẩn đầu ra	Mục tiêu cụ thể								
	M1	M2	M3	M4	M5	M6	M7	M8	M9
C1	x								
C2	x				x				
C3		x							
C4		x	x						
C5		x	x						
C6			x						
C7				x					
C8				x					
C9				x					
C10						x			
C11					x		x		
C12							x		
C13								x	
C14									x

## 2.3 Các chỉ số thực hiện

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
C1	C1.1 Chấp hành các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; C1.2 Vận dụng được thế giới quan và phương pháp luận khoa học vào nhận thức và giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - xã hội nảy sinh trong môi trường nghề nghiệp và thực tiễn cuộc sống; C1.3 Nhận diện được quan điểm sai trái, phản động và có thể đưa ra ý kiến phản biện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học.
C2	C2.1 Thể hiện lễ lối làm việc chuyên nghiệp, tác phong chuẩn mực, phù hợp với các quy định của đơn vị nơi công tác; C2.2 Có tinh thần trách nhiệm trong các nhiệm vụ được giao;
C3	C3.1 Có thể thuyết trình các vấn đề về chuyên môn, nghiệp vụ hiệu quả C3.2 Có thể trình bày ý kiến cá nhân và bảo vệ quan điểm về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ rõ ràng và thuyết phục; C3.3 Có thể lựa chọn và sử dụng ngôn ngữ phù hợp để giải quyết hiệu quả các vấn đề và tình huống trong công tác;
C4	C4.1 Có thể vận dụng kiến thức về ngữ âm - âm vị học để đạt hiệu quả trong giao tiếp; C4.2 Có thể vận dụng kiến thức về từ vựng để đạt hiệu quả trong giao tiếp; C4.2 Có thể vận dụng kiến thức về ngữ pháp để đạt hiệu quả trong giao tiếp;
C5	C5.1 Có hiểu biết về văn hóa của các nước nói tiếng Anh và văn hóa Việt Nam; C5.2 Có năng lực giao tiếp với mọi người đến từ các nền văn hóa khác nhau;
C6	C6.1 Có các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh đáp ứng các tiêu chí của bậc 5 trong khung NLNN 6 bậc ở Việt Nam hoặc tương đương
C7	C7.1 Có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng biên dịch đã học trong chương trình vào công tác dịch thuật; C7.2 Có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng phiên dịch đã học trong chương trình vào công tác dịch thuật;
C8	C8.1 Có khả năng phân tích thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ cho

Chuẩn đầu ra	Chỉ số thực hiện
	công việc; C8.2 Có khả năng đánh giá thông tin từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ cho công việc
C9	C9.1 Lựa chọn và sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị công nghệ thích hợp để tổ chức thực hiện công việc hiệu quả C9.2 Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng vào công tác chuyên môn và các công việc được giao; C9.3 Sử dụng được các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và thiết bị công nghệ thông dụng để hỗ trợ phát triển chuyên môn nghiệp vụ.
C10	C10.1 Có khả năng trình bày rõ ràng, logic, có sức thuyết phục và biết lắng nghe ý kiến góp ý, trao đổi từ phía đối tác và khách hàng để tư vấn và hỗ trợ; C10.2 Có thể tạo dựng niềm tin, xây dựng uy tín, duy trì và mở rộng mối quan hệ với đối tác và khách hàng tiềm năng;
C11	C11.1 Có ý thức thường xuyên tự học, tự nghiên cứu, trau dồi năng lực chuyên môn; C11.2 Tham gia đầy đủ các chương trình bồi dưỡng chuyên môn theo kế hoạch của đơn vị công tác; C11.3 Thường xuyên trao đổi, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn trong công việc với đồng nghiệp và giúp đỡ đồng nghiệp hoàn thành tốt công việc;
C12	C12.1 Hiểu được các ý chính của một văn bản hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng bằng tiếng Hàn hoặc tiếng Trung về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... C12.2 Có thể xử lý hầu hết các tình huống đơn giản yêu cầu sử dụng tiếng Hàn hoặc tiếng Trung xảy ra trong giao tiếp thường ngày; C12.3 Viết được văn bản tiếng Hàn hoặc tiếng Trung đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; C12.4 Sử dụng tiếng Hàn hoặc tiếng Trung để mô tả những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão, kế hoạch của bản thân và trình bày ngắn gọn các lý do liên quan. C12.5 Có điểm số trung bình của các bài thi chuẩn đầu ra ngoại ngữ 2 đủ để đạt bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (HSK3 đối với tiếng Trung và TOPIK 3 đối với tiếng Hàn);
C13	C13.1 Có ý thức và khả năng tìm hiểu, phát hiện vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn; C13.2 Có khả năng triển khai, thực hiện các đề tài nghiên cứu liên quan đến chuyên ngành Ngôn ngữ Anh một cách hiệu quả;
C14	Đối với một số môn thể dục thể thao phổ biến: C14.1 Mô tả được các tác dụng, kỹ thuật cơ bản và quy định chính. C14.2 Thực hiện các động tác cơ bản đúng kỹ thuật và quy định. C14.3 Nghiêm túc, tích cực trong tập luyện các môn thể dục thể thao.

### 3. Chuẩn đầu vào

Tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương; Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tiêu chí theo các hình thức xét tuyển của trường ĐHSP Hà Nội 2 về ngưỡng đầu vào đối với ngành đào tạo.

## 4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

<b>TT</b>	<b>Các khối kiến thức</b>	<b>Số tín chỉ</b>
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b> (không tính các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng và An ninh)	<b>22</b>
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>	<b>68</b>
II.1.	Khối kiến thức Tiếng	50
II.2.	Khối kiến thức Ngôn ngữ	10
II.3.	Khối kiến thức Văn hóa - Văn học	08
II.4.	Khối kiến thức nghiệp vụ	<b>33</b>
II.5.	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế	<b>7</b>
	<b>TỔNG</b>	<b>130</b>

## 5. Chiến lược dạy - học

Chương trình đào tạo nhằm giúp người học: Phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực, thấm nhuần giá trị văn hóa dân tộc và trách nhiệm xã hội; Phát huy tối đa tiềm năng, hình thành tư duy mở, khả năng thích ứng nhanh chóng trước sự thay đổi; Hình thành khả năng học tập và làm việc trong môi trường đa văn hóa, khả năng tiếp thu tiến bộ khoa học.

Các chiến lược dạy - học được ưu tiên sử dụng là:

(1) **Dạy học phân hóa** (Differentiated Instruction): Nội dung giảng dạy và hoạt động dạy - học khác nhau được tổ chức, điều chỉnh để phù hợp với đặc điểm cá nhân của người học, giúp mọi người học có thể học tập hiệu quả bất kể sự khác biệt về khả năng của họ. Đánh giá quá trình được tăng cường sử dụng để đảm bảo các trải nghiệm học tập có thể được kịp thời điều chỉnh theo đặc điểm cá nhân người học.

(2) **Học tập tích cực** (Active Learning): Người học tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập. Bằng cách sử dụng các chiến lược học tập tích cực (như: làm việc nhóm nhỏ, đóng vai, nghiên cứu trường hợp điển hình,...), người học tăng thêm hứng thú và động lực học tập, phát triển tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, kỹ năng xã hội....

(3) **Học tập theo câu hỏi** (Inquiry-Based Learning): Người học đặt câu hỏi một cách tự nhiên hoặc được yêu cầu đặt câu hỏi về một chủ đề cụ thể. Người học tự mình nghiên cứu hay tham gia vào các hoạt động với sự cộng tác để theo đuổi và tìm câu trả lời, qua đó phát triển kiến thức hoặc giải pháp, rèn luyện kỹ năng tư duy và giải quyết vấn đề.

(4) **Học tập kết hợp** (Blended Learning): Người học thực hiện một phần quá trình học tập của mình trong môi trường kỹ thuật số độc lập và một phần trong môi trường lớp học trực tiếp. Người học được tạo cơ hội học tập theo thời gian cá nhân và có các tương tác trực tiếp để củng cố những gì họ đã học được.

(5) **Lớp học đảo ngược (flipped classroom)**: Người học được cung cấp tài liệu học tập và hướng dẫn học tập, chủ động tìm hiểu các nội dung học tập và thực hiện các nhiệm vụ trước khi lên lớp theo yêu cầu và dưới sự hỗ trợ của người dạy. Thời gian lên lớp trực tiếp

(6) **Học tập hợp tác**: Tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm để người học hoàn thành nhiệm vụ chung hướng tới mục tiêu học tập. Người học có thể tận dụng các nguồn lực và kỹ năng của nhau, phát triển các kỹ năng hợp tác, giao tiếp và xã hội.

## **6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **6.1. Quy trình đào tạo**

#### *6.1.1. Chương trình đào tạo*

- a) Chương trình đào tạo được tổ chức theo khoá học, năm học và học kì.
- b) Thời gian học tập chuẩn cho một khóa đào tạo là 4 năm. Thời gian tối đa để hoàn thành khoá học là 8 năm.
- c) Một năm học có hai học kì chính và có thể có một học kì phụ.

Học kì chính có 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

Học kì phụ có 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức cho sinh viên học lại, học vượt hoặc học thêm các học phần ngoài chương trình đào tạo. Sinh viên đăng kí tham gia học kì phụ trên cơ sở tự nguyện, không bắt buộc. Việc tổ chức học kì phụ được căn cứ vào tình hình cụ thể từng năm học.

Ngoài ra, còn một số tuần dành cho các hoạt động khác như học Giáo dục quốc phòng và an ninh, kiến tập, thực tập, nghỉ hè, nghỉ tết.

#### *6.1.2. Phương thức tổ chức đào tạo*

a) Hoạt động đào tạo được tổ chức theo từng lớp học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của trường.

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

### **6.2. Điều kiện tốt nghiệp**

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

## **7. Cách thức đánh giá**

### **7.1. Chiến lược đánh giá**

Hoạt động đánh giá được thiết kế theo tiếp cận năng lực, kết hợp hợp lý giữa đánh giá kết quả học tập, đánh giá vì học tập và đánh giá như học tập, nhằm:

- Phản ánh chính xác, công bằng, minh bạch năng lực của người học theo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra, qua đó xác thực hiệu quả của chương trình đào tạo.
- Hỗ trợ và thúc đẩy cải thiện việc học tập của người học, cải tiến phương pháp giảng dạy của giảng viên và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

### **7.2. Đánh giá kết quả học tập**

Đánh giá kết quả học tập tuân thủ Quy định đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường ĐHSP Hà Nội 2. Cụ thể:

#### **7.2.1. Đánh giá học phần**

Kết quả học tập học phần được đánh giá qua các hình thức phù hợp để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần, được thể hiện bởi một điểm học phần. Điểm học phần được tính dựa trên các điểm thành phần. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm 10 (được làm tròn tới một chữ số thập phân). Các hình thức đánh giá, loại điểm thành phần và trọng số mỗi loại điểm thành phần được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần.

#### **7.2.2. Đánh giá kết quả học tập theo học kì, năm học**

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

- a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;
- b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khoá học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;
- c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khoá học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

## **8. Nội dung chương trình**

### **8.1. Khung chương trình**

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, Thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
<b>I</b>	<b>Giáo dục đại cương</b>		<b>22</b>						
<b>I.1</b>	<b>Giáo dục chính trị</b>								
1	Triết học Mác - Lênin	CT111	3	32	26			92	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CT112	2	21	18			61	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CT113	2	21	18			61	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CT103	2	21	18			61	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CT115	2	21	18			61	
<b>I.2</b>	<b>Kiến thức đại cương</b>								
6	Pháp luật đại cương	PL101	2	15	30			55	
7	Tin học	TH101	2	15	15	15		55	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ 2: Chọn 01 trong 02 lựa chọn sau:</b>								
	<i>Tự chọn Ngoại ngữ 2 (1)</i>								
8	Tiếng Trung 1	TQ101	3	30	15	15		90	
9	Tiếng Trung 2	TQ102	2	15	15	15		55	TQ101
10	Tiếng Trung 3	TQ103	2	15	15	15		55	TQ102
	<i>Tự chọn Ngoại ngữ 2 (2)</i>								
11	Tiếng Hàn 1	HQ101	3	30	15	15		90	
12	Tiếng Hàn 2	HQ102	2	15	15	15		55	HQ101
13	Tiếng Hàn 3	HQ103	2	15	15	15		55	HQ103
<b>I.4</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>								
14	Giáo dục thể chất 1	TC101	1			30		20	
15	Giáo dục thể chất 2	TC102	1			30		20	
16	Giáo dục thể chất 3	TC103	1			30		20	
<b>II</b>	<b>Giáo dục chuyên ngành</b>		<b>68</b>						
<b>II.1</b>	<b>Khối kiến thức tiếng</b>		<b>50</b>						
17	Luyện âm	ENG201	2	15	30			55	
18	Ngữ pháp thực hành	ENG202	2	15	30			55	
19	Nghe - Nói 1	ENG203	3	30	30			90	
20	Đọc - Viết 1	ENG204	3	30	30			90	
21	Nghe - Nói 2	ENG205	3	30	30			90	
22	Đọc - Viết 2	ENG206	3	30	30			90	
23	Nghe - Nói 3	ENG207	3	30	30			90	
24	Đọc - Viết 3	ENG208	3	30	30			90	
25	Nghe - Nói 4	ENG209	3	30	30			90	
26	Đọc - Viết 4	ENG210	3	30	30			90	
27	Nghe - Nói 5	ENG211	3	30	30			90	



Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, Thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
28	Đọc - Viết 5	ENG212	3	30	30			90	
29	Nghe - Đọc 6	ENG213	3	30	30			90	
30	Nói - Viết 6	ENG214	3	30	30			90	
31	Nghe - Đọc 7	ENG215	3	30	30			90	
32	Nói - Viết 7	ENG216	3	30	30			90	
33	Viết Khoa học	ENG217	2	15	30			55	
34	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh	ENG218	2	15		15	15	55	
<b>II.2</b>	<b>Khối kiến thức ngôn ngữ</b>		<b>10</b>						
<i>Bắt buộc:</i>			08						
35	Cơ sở ngôn ngữ học	VH302	2	15	30			55	
36	Ngữ pháp học	ENG219	2	15	15	15		55	
37	Từ vựng - ngữ nghĩa học	ENG220	2	15	15	15		55	
38	Ngữ âm - Âm vị học	ENG221	2	15	15	15		55	
<i>Tự chọn: Chọn 01 môn trong số các môn sau:</i>			02						
39	Ngữ dụng học	ENG222	2	15	15	15		55	
40	Phân tích diễn ngôn	ENG223	2	15	15	15		55	
41	Ngôn ngữ học đối chiếu	ENG224	2	15	15	15		55	
<b>II.3</b>	<b>Khối kiến thức Văn hóa - Văn học</b>		<b>08</b>						
<i>Bắt buộc:</i>			06						
42	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH201	2	15	30			55	
43	Văn hóa Anh - Mỹ	ENG225	2	15		30		55	
44	Văn học Anh - Mỹ	ENG226	2	15		30		55	
<i>Tự chọn: Chọn 01 trong số các môn sau:</i>			02						
45	Giao tiếp liên văn hóa	ENG227	02	15		30		55	
46	Kỹ năng thế kỷ 21	ENG228	02	15		15	15	55	
<b>II.4</b>	<b>Khối kiến thức nghiệp vụ</b>		<b>33</b>						
<b>II.4.1. Khối kiến thức chuyên ngành Biên - Phiên dịch</b>			<b>14</b>						
47	Lý thuyết dịch	EL301	2	15	30			55	
48	Dịch câu	EL302	2	15	30			55	EL301
49	Dịch văn bản	EL303	2	15	30			55	EL302
50	Dịch phát ngôn	EL304	2	15	30			55	EL301
51	Dịch ngôn bản	EL305	2	15	30			55	EL304

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, Thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
52	Công nghệ trong dịch thuật	EL306	2	15			30	55	EL302
53	Đánh giá chất lượng bản dịch	EL307	2	15	30			55	EL301, EL302, EL303
<b>Chọn 1 trong hai nhánh: Du lịch hoặc Văn phòng</b>									
<b>Khối kiến thức chuyên ngành Du lịch</b>			<b>12</b>						
54	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1	EL308	2	15	30			55	ENG203, ENG205, ENG207
55	Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2	EL309	2	15	30			55	EL308
56	Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	EL310	2	15	30			55	EL301, EL302, EL303, EL308, EL309
57	Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch	EL311	2	15	30			55	EL301, EL304, EL305, EL308, EL309
58	Tổng quan Du lịch	VN402	2	15	30			55	
59	Nghiệp vụ hướng dẫn Du lịch	VN507	2	15	30			55	
<b>Khối kiến thức chuyên ngành Văn phòng</b>			<b>12</b>						
60	Tiếng Anh Văn phòng 1	EL314	2	15	30			55	
61	Tiếng Anh Văn phòng 2	EL315	2	15	30			55	EL314
62	Biên dịch chuyên ngành Văn phòng	EL316	2	15	30			55	EL301, EL302, EL303, EL314, EL315
63	Phiên dịch chuyên ngành Văn phòng	EL317	2	15	30			55	EL301, EL304, EL305, EL314, EL315
64	Tổng quan Hành chính - Văn phòng	EL318	2	15	30			55	

Số TT	Học phần	Mã số	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Học phần tiên quyết
				Lên lớp			Thực tập, Thực tế	Tự học, Tự nghiên cứu	
				Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	Thực hành			
65	Nghiệp vụ Thư ký - Văn phòng	EL319	2	15	30			55	
66	Thực tập chuyên ngành 1	EL320	3				150		
67	Thực tập chuyên ngành 2	EL321	4				200		
<b>II.5</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế</b>		<b>7</b>						
68	<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>	EL401	<b>7</b>					350	
	<b>Các học phần thay thế</b>		<b>7</b>						
<i>Bắt buộc:</i>									
69	Thực hành Biên - Phiên dịch nâng cao	EL402	4	45	30			125	EL301, EL302, EL303, EL304, EL305
<i>Tự chọn: Chọn 1 trong 2 môn sau:</i>									
70	Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ	ENG403	3	30	30			90	ENG210
71	Ngôn ngữ học xã hội	ENG404	3	30	15	15		90	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>130</b>						

## 8.2. Ma trận Học phần - Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
CT101	T													
CT102	T													
CT103	T													
CT104	T													
CT105	T													
TQ101												T		
TQ102												T		
TQ103												T		
HQ101												T		
HQ102												T		
HQ103												T		
TH101									T					
TC101														T
TC102														T
TC103														T

Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
PL101	T													
ENG201				U		T								
ENG202				U		T								
ENG203						T								
ENG204						T								
ENG205						T								
ENG206						T								
ENG207						T								
ENG208						T								
ENG209						T								
ENG210						T								
ENG211						T								
ENG212						T								
ENG213						T								
ENG214						T								
ENG215						T								
ENG216						T								
ENG217			U										T	
ENG218						U							T	
VH302			T											
ENG219				T		U								
ENG220				T		U								
ENG221				T		U								
ENG222				T		U								
ENG223				T		U								
ENG224				T		U								
VH201					T									
ENG225					T	U								
ENG226					T	U								
ENG227					T	U								
ENG228		U	I					T						
EL301		U					T							
EL302							T							
EL303							T							
EL304							T							
EL305							T							
EL306							T		T					
EL307							T							
EL308			T											
EL309			T											
EL310		U					T							
EL311		U					T							
EL312								T		U				
EL313		U	I					T		U	I			
EL314			T											
EL315			T											
EL316		U					T							

Học phần	Chuẩn đầu ra													
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
EL317		U					T							
EL318								T		U				
EL319		U	I					T		U	I			
EL320											U			
EL321											U			
EL401			U	U	U	U							U	
EL402							T							
ENG403			T	T	T	U			U		T			
ENG404			T	T	T	U								

### 9. Kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
CT111	3							
TQ101/HQ101	3							
TC101	1							
VH302	2							
VH201	2							
ENG201	2							
ENG203	3							
ENG204	3							
<b>Tổng cộng kỳ 1:</b>	<b>18</b>							
CT112		2						
PL101		2						
TQ102/HQ102		2						
TC102		1						
TH101		2						
ENG202		2						
ENG205		3						
ENG206		3						
<b>Tự chọn:</b> chọn 01 trong số các môn sau								
EL312		2						
EL318		2						
<b>Tổng cộng kỳ 2:</b>		<b>18</b>						
CT113			2					
TQ103/HQ103			2					

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
TC103			1					
ENG207			3					
ENG208			3					
ENG219			2					
EL301			2					
<b>Tự chọn:</b> chọn 01 trong số các môn sau								
EL313			2					
EL319			2					
<b>Tổng cộng kỳ 3:</b>			<b>16</b>					
CT103				2				
ENG209				3				
ENG210				3				
ENG221				2				
ENG225				2				
EL302				2				
EL304				2				
<b>Tự chọn:</b> chọn 01 trong số các môn sau								
EL308				2				
EL314				2				
<b>Tổng cộng kỳ 4:</b>				<b>18</b>				
CT115					2			
ENG218					2			
ENG211					3			
ENG212					3			
ENG220					2			
ENG226					2			
EL303					2			
<b>Tự chọn:</b> chọn 01 trong số các môn sau								
EL309					2			
EL315					2			
<b>Tổng cộng kỳ 5:</b>					<b>18</b>			

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
ENG213						3		
ENG214						3		
ENG217						2		
EL305						2		
EL306						2		
<b>Tự chọn:</b> Chọn <b>01</b> trong 03 môn thuộc khối kiến thức ngôn ngữ:								
ENG222						2		
ENG223						2		
ENG224						2		
<b>Tự chọn:</b> Chọn 01 trong 03 môn khối kiến thức Văn hóa-Văn học								
ENG226						2		
ENG227						2		
ENG228						2		
<b>Tổng cộng kỳ 6:</b>						<b>16</b>		
ENG215							3	
ENG216							3	
EL307							2	
EL320							3	
<b>Tự chọn:</b> chọn 02 trong số các môn sau								
EL310							2	
EL311							2	
EL318							2	
EL319							2	
<b>Tổng cộng kỳ 7:</b>							<b>15</b>	
EL321								4
EL401								<b>7</b>
<b>Môn học thay thế KLTN:</b>								

Mã học phần	Năm, học kỳ							
	I		II		III		IV	
	1	2	3	4	5	6	7	8
ENG404								3
ENG403								3
EL402								4
<b>Tổng cộng kỳ 8:</b>								<b>11</b>

## 10. Mô tả tóm tắt các học phần

### 10.1. *Triết học Mác - Lênin (03 tín chỉ)*

Học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng về triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của CNDV biện chứng và những nội dung cơ bản của CNDV lịch sử. Thông qua đó, nhằm trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học. Học phần này có mối quan hệ trực tiếp với các học phần Kinh tế chính trị, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, các môn khoa học lý luận chính trị, khoa học tự nhiên và khoa học xã hội - nhân văn.

### 10.2. *Kinh tế chính trị Mác - Lênin (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết căn bản, hệ thống về các vấn đề kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và giúp người học có khả năng lập luận, phân tích, đánh giá, vận dụng các kiến thức kinh tế chính trị cơ bản vào việc xem xét, giải quyết một vấn đề kinh tế cụ thể nảy sinh trong thực tiễn cũng như có khả năng tham gia thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam. Môn học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin.

### 10.3. *Chủ nghĩa xã hội khoa học (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về chủ nghĩa xã hội khoa học, giúp sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức của chủ nghĩa xã hội khoa học vào xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Môn học có vai trò là nền tảng lý luận cho các môn học khác như: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

### 10.4. *Tư tưởng Hồ Chí Minh (02 tín chỉ)*

Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ đó, giúp người học có khả năng vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, có mục tiêu, lý tưởng và bản lĩnh chính trị vững vàng.

### 10.5. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (02 tín chỉ)*



Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, qua đó nâng cao nhận thức lý luận và niềm tin đối với Đảng và sự lãnh đạo của Đảng; Môn học có mối quan hệ mật thiết với hệ thống các môn học lý luận chính trị vì đường lối của Đảng là sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

#### **10.6. Pháp luật đại cương (02 tín chỉ)**

Môn học cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật nói chung và hệ thống pháp luật Việt Nam nói riêng từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về pháp luật để giải quyết những vấn đề pháp lý trong công việc, trong thực tiễn và hình thành ý thức tự giác trong tuân thủ pháp luật.

#### **10.7. Tin học (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào việc cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tin học bao gồm: kiến thức cơ bản về máy tính; kiến thức về mạng máy tính và Internet; kiến thức và kỹ năng làm việc với các ứng dụng văn phòng.

#### **10.8. Tiếng Trung 1 (03 tín chỉ)**

Học phần cung cấp các kiến thức cho người bắt đầu học gồm: Ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Sinh viên sau khi học xong nắm được cách phát âm cơ bản, thông qua bài khóa và hội thoại, bài tập sinh viên biết giao tiếp như giới thiệu về bản thân, gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống...

#### **10.9. Tiếng Hàn 1 (03 tín chỉ)**

Học phần giúp người mới bắt đầu học tiếp xúc với các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Hàn. Nội dung học phần bao gồm bảng chữ cái tiếng Hàn, từ vựng tiếng Hàn cơ sở, cấu trúc câu và ngữ pháp sử dụng trong tiếng Hàn. Người học sẽ học các nội dung này qua các hoạt động nói và viết, các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu và thực hành giao tiếp. Những đặc điểm tương thích về văn hóa sẽ được giới thiệu trong suốt khóa học.

#### **10.10. Tiếng Trung 2 (02 tín chỉ)**

Học phần sử dụng giáo trình tích hợp tổng hợp các kiến thức, qua bài khóa và hội thoại, bài tập sinh viên biết giao tiếp được những chủ đề thông thường trong cuộc sống như: giới thiệu về bản thân, gia đình, sở thích, ngày tháng năm, nơi mình học tập sinh sống. Học phần giúp sinh viên nắm được các phần ngữ pháp trong tâm, câu phức, các loại bỏ ngữ và câu so sánh.

#### **10.11. Tiếng Hàn 2 (02 tín chỉ)**

Học phần củng cố những kiến thức đã học ở tiếng Hàn giao tiếp 1 nhằm nâng cao khả năng phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của người học. Học phần giúp người học có thêm nhiều cơ hội nâng cao khả năng nghe, nói và năng lực giao tiếp thông qua các hoạt động theo cặp và nhóm. Học phần cũng đưa ra những cấu trúc ngữ pháp phức hợp qua các bài nói. Học phần giúp người học nâng cao sự hiểu biết về cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Hàn và khả năng dịch giữa hai ngôn ngữ (tiếng Hàn và tiếng Anh)

### **10.12. Tiếng Trung 3 (02 tín chỉ)**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên khả năng đọc được phiên âm trong các bài hội thoại hoặc đoạn văn ngắn đã được học và hiểu được cách sử dụng trọng điểm ngữ pháp, có thể tìm thông tin chính trong các bài đọc để trả lời các câu hỏi liên quan, phát triển kỹ năng đọc hiểu và hình thành được kỹ năng làm việc nhóm trong các nhóm khác nhau.

### **10.13. Tiếng Hàn 3 (02 tín chỉ)**

Học phần củng cố những kiến thức đã học ở tiếng Hàn giao tiếp 2 nhằm mở rộng kỹ năng giao tiếp cơ bản tới nhiều chủ đề và các tình huống. Học phần sử dụng các ngữ liệu thực tế thể hiện việc sử dụng tiếng Hàn hiện nay cùng với việc dạy thành ngữ, các cách dùng thông dụng và ngôn ngữ Hanja phổ biến (sử dụng ký tự tiếng Trung) chiếm tới 70% lượng từ vựng tiếng Hàn và các bài tập thực hành các cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Hàn. Ngoài ra, người học sẽ tiếp tục thực hành dịch giữa hai ngôn ngữ là tiếng Anh và tiếng Hàn.

### **10.14. Giáo dục thể chất 1 (01 tín chỉ)**

Môn học GDTC 1 được cấu trúc gồm 2 phần: Lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết trang bị cho sinh viên những kiến thức về lĩnh vực GDTC, những kiến thức Y - Sinh học TĐTT, kiến thức về nội dung thể dục, điền kinh ( tác dụng của thể dục đối với việc rèn luyện thân thể, chạy cự ly trung bình), kiến thức về rèn luyện thân thể.

- Phần thực hành trang bị cho sinh viên những kỹ năng:

- + Thực hành các nội dung thể dục: Các bài tập đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục.
- + Thực hành nội dung chạy cự ly trung bình.
- + Thực hành kiểm tra thể lực theo tiêu chuẩn rèn luyện thân thể.

### **10.15. Giáo dục thể chất 2 (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TĐTT, y - sinh học TĐTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động.

Nội dung môn học GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

### **10.16. Giáo dục thể chất 3 (02 tín chỉ)**

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản: lý luận GDTC, chấn thương trong tập luyện và thi đấu TĐTT, y - sinh học TĐTT; kiến thức, kỹ năng tổ chức, kỹ thuật cơ bản của môn thể thao (tự chọn) và trò chơi vận động.

Nội dung môn học GDTC 2, GDTC 3 bao gồm các môn thể thao (tự chọn), mỗi tín chỉ được chia làm hai phần: lý thuyết (06 tiết), thực hành (24 tiết).

### **10.17. Luyện âm (02 tín chỉ)**

Học phần Luyện âm được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đạt được năng lực phát âm ở trình độ bậc trung cấp (B1)

theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 6 bậc. Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống âm trong tiếng Anh và cách phát âm chuẩn các nguyên âm và phụ âm (English vowel and consonant sounds). Ngoài ra, học phần còn giới thiệu một số yếu tố đoạn tính (supra segmental elements) được lồng ghép vào nội dung bài học như: cách phát âm mạnh/yếu, cách đặt dấu nhấn trọng âm từ và câu, cách nối từ, và cách nói có ngữ điệu. Khóa học cũng tập trung vào những vấn đề mà người Việt Nam thường gặp phải khi luyện phát âm. Sinh viên có cơ hội được luyện tập, thực hành phát âm các âm, từ và các câu trong tiếng Anh, và sinh viên sẽ tránh được mắc lỗi khi phát âm tiếng Anh.

#### **10.18. Ngữ pháp thực hành (02 tín chỉ)**

Sau khi học xong học phần, sinh viên (SV)/học viên (HV) sẽ nắm vững dạng thức và chức năng cũng như sử dụng thành thạo các phạm trù ngữ pháp bậc trung - cao cấp để diễn đạt lưu loát và chính xác các ý nghĩa ngữ pháp trong các phần thi nói và viết theo định dạng đề thi khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

#### **10.19. Nghe - nói 1 (03 tín chỉ)**

Học phần dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ nhất ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần được thiết kế theo tuần với thời lượng của mỗi tuần được phân bổ linh hoạt để hỗ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên cho ba mục tiêu chính là phát triển kỹ năng nghe nói cơ bản (skill building), phát triển kỹ năng làm bài thi (testing) và phát triển kỹ năng học tập. Về kỹ năng nghe, học phần sẽ lần lượt hướng dẫn người học thực hiện các kỹ năng nghe nhỏ (subskills) để thực hiện các hoạt động nghe trong các chủ đề đơn giản và gần gũi. Các kỹ năng nghe bao gồm nghe nhận diện âm cuối của danh từ số nhiều (plural endings), âm tiết của từ, trọng âm, từ nối, lược âm (of, have to); nghe lấy ý chính, nghe chi tiết, sử dụng kiến thức nền để hỗ trợ việc nghe, nghe số, thời gian, chỉ đường. Về kỹ năng nói, học phần giới thiệu và hướng dẫn người học vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, các kỹ năng nhỏ để thực hiện các hoạt động nói trong các chủ đề quen thuộc. Các kỹ năng nói bao gồm cách yêu cầu nhắc lại, đặt câu hỏi mở rộng, nói về giá cả, hỏi giải thích, sử dụng từ nối trong sắp xếp thông tin, thể hiện sở thích, cách mời và từ chối lời mời. Người học cũng được luyện nói những âm và cấu trúc cơ bản giúp thực hiện các hoạt động nói.

#### **10.20. Đọc - viết 1 (03 tín chỉ)**

Học phần Đọc-Viết 1 là học phần bắt buộc đầu tiên trong khối kiến thức chuyên nghiệp của chương trình thực hành tiếng trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối hệ thống về các chủ đề thuộc các lĩnh vực khoa học và xã hội. Học phần cung cấp kiến thức khoa học và xã hội nền tảng cho sinh viên, xây dựng và hình thành các kỹ năng học tập như kỹ năng đọc hiểu, thẩm thấu bài đọc, kỹ năng làm bài và kỹ năng tự học, tự tìm hiểu. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về câu, dấu câu, các kỹ thuật liên kết câu từ đó giúp sinh viên vận dụng hiệu quả vào việc viết ở mức độ cơ bản các đoạn văn ngắn ở trình độ B1.

**10.21. Nghe - Nói 2 (03 tín chỉ)**

Học phần Nghe-Nói 2 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành về 2 kỹ năng Nghe - Nói. Học phần có sự liên thông từ môn Nghe - Nói 1 sau khi sinh viên đã được học các kỹ năng Nghe - Nói cơ bản cùng với những chiến thuật để giúp ích sinh viên tiếp cận với hai kỹ năng. Học phần tập trung rèn luyện kỹ năng Nghe-Nói cho sinh viên ở bậc B1 với những chủ đề khác nhau và những kỹ năng học tập cần thiết phục vụ cho việc học của sinh viên.

**10.22. Đọc - Viết 2 (03 tín chỉ)**

Học phần Đọc-Viết 2 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức và kỹ năng tương đối hệ thống về các chủ đề thuộc các lĩnh vực khoa học và xã hội. Học phần cung cấp kiến thức khoa học và xã hội nền tảng cho sinh viên, xây dựng và hình thành các kỹ năng học tập như kỹ năng đọc hiểu, thẩm thấu bài đọc, kỹ năng làm bài và kỹ năng tự học, tự tìm hiểu. Đồng thời, sinh viên có thể phân tích cấu trúc câu, viết câu và bước đầu thực hành dùng câu đơn giản để viết những văn bản ngắn đúng ngữ pháp, ngữ nghĩa ở trình độ B1. Sinh viên có nền tảng tốt để chuẩn bị cho việc viết đoạn văn hoàn chỉnh sau này.

**10.23. Nghe - Nói 3 (03 tín chỉ)**

Học phần Nghe-Nói 3 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Học phần tiếp tục củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức cũng như kỹ năng thực hành nghe nói tiếng Anh. Cụ thể, về kỹ năng nghe, học phần giúp sinh viên thực hành các kỹ năng nghe cần thiết như nghe lấy ý chính, ý chi tiết; nghe thông tin so sánh; nghe hiểu thái độ của người nói. Về kỹ năng nói, học phần củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh như đưa ra lời khuyên, lời gợi ý; chuyển chủ đề trong khi giao tiếp; giải thích thông tin trong khi giao tiếp. Thêm vào đó, học phần tập trung vào rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày/nhận định một vấn đề, đưa ra ý kiến tán thành/không tán thành thông qua các chủ đề hấp dẫn đòi hỏi năng lực tư duy phản biện và lập luận sắc bén.

**10.24. Đọc - Viết 3 (03 tín chỉ)**

Học phần Đọc-Viết 3 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để đọc hiểu văn bản về các chủ đề khác nhau. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành khá sâu về đoạn văn, các kiểu đoạn văn đơn giản, thông dụng với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở trình độ trung cấp. Học phần giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc đoạn văn, các kiểu đoạn văn và thực hành dùng đa dạng các loại câu để viết những đoạn văn đúng bố cục cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa ở trình độ B2 trung cấp. Sinh viên có nền tảng tốt để chuẩn bị cho việc viết bài luận hoàn chỉnh sau này.

### **10.25. Nghe - Nói 4 (03 tín chỉ)**

Học phần Nghe-Nói 4 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Học phần tiếp tục củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức cũng như kỹ năng thực hành nghe nói tiếng Anh. Về kỹ năng *Nghe*, học phần giúp sinh viên thực hành các kỹ năng nghe cần thiết như nghe lấy ý chính, ý chi tiết; nghe để phân loại thông tin; nghe hiểu các câu hỏi tu từ; nghe phân biệt giữa fact và opinion. Về kỹ năng nói, học phần củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; sử dụng ngôn ngữ trong các ngữ cảnh như thể hiện sự hứng thú với thông tin trong khi giao tiếp; chuyển tiếp và quay lại chủ đề giao tiếp; cách ngắt lời giao tiếp một cách lịch sự; đưa ra lí do/ ví dụ làm sang tỏ quan điểm trong khi giao tiếp. Thêm vào đó, học phần tập trung vào rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày/nhận định một vấn đề, đưa ra ý kiến tán thành/không tán thành thông qua các chủ đề hấp dẫn đòi hỏi năng lực tư duy phản biện và lập luận sắc bén.

### **10.26. Đọc - Viết 4 (03 tín chỉ)**

Đọc-Viết 4 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để đọc hiểu văn bản về các chủ đề khác nhau. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành khá sâu về đoạn văn, các kiểu đoạn văn đơn giản, thông dụng với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở trình độ trung cấp bậc cao. Học phần yêu cầu sinh viên nắm được đặc điểm các dạng bài đọc, vận dụng các chiến lược đọc hiểu hiệu quả vào hoàn thành các nhiệm vụ bài đọc. Ngoài ra đọc viết 4 cũng giúp cho sinh viên được học và làm quen với các dạng viết khó hơn, phức tạp hơn ở nhiều thể loại ở trình độ B2.

### **10.27. Nghe - Nói 5 (03 tín chỉ)**

Học phần Nghe-Nói 5 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân sư phạm tiếng Anh. Nội dung học phần được thiết kế theo tuần với thời lượng của mỗi tuần được phân bổ linh hoạt để hỗ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên cho ba mục tiêu chính là phát triển kỹ năng nghe nói (skill building), phát triển kỹ năng làm bài thi (testing) và phát triển kỹ năng học tập và tư duy phản biện (study skills and critical thinking skills). Cụ thể là, về kỹ năng nghe, học phần sẽ lần lượt hướng dẫn người học thực hiện các kỹ năng nghe chuyên sâu góp phần hoàn thiện kỹ năng nghe như xác định chủ đề bài nói, phân biệt thông tin và ý kiến, xác định ngữ điệu và thái độ trong lời nói, xác định cấu trúc và logic của một bài thuyết trình, xác định lý do và thông tin hỗ trợ cho các luận điểm, nghe và ghi nhớ (note-taking skills). Về kỹ năng nói, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng thực hành nâng cao về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, các kỹ năng nói để thực hiện các hoạt động nói trong các chủ đề học thuật và phức tạp. Các kỹ năng subskills bao gồm kỹ năng ngắt lời, kỹ năng thể hiện mức độ đồng tình, kỹ năng thương thuyết, kỹ năng phê phán.... Bên cạnh đó, học phần trang bị cho sinh viên

kỹ năng cơ bản để làm các phần của bài thi và trang bị cho sinh viên kỹ năng học đa dạng (study learning) và dần dần giúp sinh viên ý thức và phát triển tư duy phản biện.

**10.28. Đọc - Viết 5 (03 tín chỉ)**

Học phần Đọc-Viết 5 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng đọc hiểu và kiến thức nền để đọc hiểu văn bản về các chủ đề khác nhau. Học phần cũng trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành khá sâu về đoạn văn, các kiểu đoạn văn đơn giản, thông dụng với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở trình độ trung cấp bậc cao. Học phần yêu cầu sinh viên nắm được đặc điểm các dạng bài đọc, vận dụng các chiến lược đọc hiểu hiệu quả vào hoàn thành các nhiệm vụ bài đọc. Ngoài ra đọc viết 5 cũng giúp cho sinh viên được học và làm quen với các dạng viết khó hơn, phức tạp hơn ở nhiều thể loại ở trình độ B2

**10.29. Nghe - Đọc 6 (03 tín chỉ)**

Học phần Nghe - Đọc 6 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho người học các kỹ năng nghe đọc và kiến thức nền để nghe các loại văn bản bậc cao với ngôn từ và diễn đạt đa dạng. Học phần cũng cung cấp cho người học cơ hội để tiếp xúc với các dạng đọc hiểu và nghe hiểu văn bản về các chủ đề khác nhau. Ngoài ra, học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành đọc chuyên sâu về đoạn văn, các kiểu đoạn văn đơn giản, thông dụng với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở trình độ trung cấp bậc cao. Học phần yêu cầu sinh viên nắm được đặc điểm các dạng bài đọc, bài nghe và vận dụng các chiến lược đọc hiểu và nghe hiểu hiệu quả vào hoàn thành các nhiệm vụ bài đọc. Ngoài Nghe đọc 6 cũng giúp cho sinh viên được học và làm quen với các dạng viết khó hơn, phức tạp hơn ở nhiều thể loại ở trình độ C1.

**10.30. Nói - Viết 6 (03 tín chỉ)**

Học phần Nói - Viết 6 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần được thiết kế nhằm giúp sinh viên chuyên Anh Khoa Ngoại ngữ, Trường ĐHSP Hà Nội 2 đạt được năng lực Nói và Viết ở trình độ bậc cao cấp (B2-C1) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam 6 bậc. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về cấu trúc bài luận và viết các kiểu bài luận với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở mức độ phong phú và chính xác khá cao về những chủ đề khá phức tạp. Học phần giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc của một bài luận, đặc trưng của các kiểu bài luận và thực hành dùng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để viết những bài luận đúng bố cục cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa. Bên cạnh đó, học phần củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập ở mức độ nâng cao với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; cấu trúc câu tương đối dài phức tạp về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống, có thể phát triển hoàn chỉnh một chủ đề được cung cấp một cách linh hoạt và tự nhiên.

**10.31. Nghe - Đọc 7 (03 tín chỉ)**

Học phần Nghe - Đọc 7 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo sinh viên ngành tiếng Anh. Học phần tiếp tục củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nghe đọc tiếng Anh. Cụ thể là, về kỹ năng đọc, học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng đọc hiểu chi tiết các văn bản dài, phức tạp kể cả các văn bản không thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình; có thể hiểu được nhiều loại văn bản dài và phức tạp, cảm thụ được các nét khác biệt nhỏ giữa các văn phong, giữa nghĩa đen và nghĩa bóng; phát triển các kỹ năng đọc hiểu như đọc lấy thông tin và lập luận, đọc tìm thông tin. Về kỹ năng nghe, học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng theo dõi và hiểu được những tranh luận, lập luận mang tính trừu tượng; kỹ năng theo dõi và hiểu được các bài giảng hay bài thuyết trình chuyên ngành có sử dụng nhiều lối nói thông tục, chứa đựng các yếu tố văn hóa hoặc các thuật ngữ không quen thuộc; kỹ năng theo dõi và hiểu được các cuộc hội thoại phức tạp giữa người bản ngữ ngay cả khi nội dung là những chủ đề trừu tượng phức tạp, không quen thuộc.

### **10.32. Nói - Viết 7 (03 tín chỉ)**

Nói - Viết 7 là một học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân tiếng Anh. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực hành nâng cao về viết thư và viết các kiểu bài luận với kiến thức ngữ pháp và lượng từ vựng ở mức độ phong phú và chính xác khá cao về những chủ đề khá phức tạp. Học phần tập trung rèn luyện kỹ năng viết thư theo đúng định dạng, sử dụng ngôn ngữ phù hợp theo mục đích của từng loại thư. Học phần giúp sinh viên có thể phân tích cấu trúc của một bài luận, đặc trưng của các kiểu bài luận và thực hành dùng đa dạng từ vựng, cấu trúc ngữ pháp để viết những bài luận đúng bố cục cấu trúc, ngữ pháp và ngữ nghĩa.

Bên cạnh đó, học phần củng cố và phát triển cho sinh viên kiến thức thực hành nói tiếng Anh để có thể giao tiếp độc lập ở mức độ nâng cao với khả năng diễn đạt lưu loát, ngữ điệu tự nhiên; cấu trúc câu tương đối dài phức tạp về những vấn đề khác nhau trong cuộc sống. Học phần tập trung vào rèn luyện kỹ năng lập luận, trình bày/nhận định một vấn đề, đưa ra ý kiến tán thành/không tán thành đối với những luận điểm tương đối khó, đòi hỏi năng lực tư duy phản biện và lập luận sắc bén. Học phần giúp sinh viên thành thạo kỹ năng trả lời câu hỏi về các chủ đề quen thuộc, trình bày thảo luận giải pháp với lập luận hợp lý và phát triển chủ đề với những luận điểm chặt chẽ, logic một cách ngắn gọn, trôi chảy, hệ thống, chính xác và đạt hiệu quả cao.

### **10.33. Viết khoa học (02 tín chỉ)**

Học phần Viết khoa học dành cho đối tượng là sinh viên năm thứ ba ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần được thiết kế để đáp ứng nhu cầu và hỗ trợ kiến thức và kỹ năng cho sinh viên về viết học thuật để chuẩn bị cho việc thực hiện viết khóa luận cuối khóa học. Nội dung khóa học được thiết kế theo tuần với những chủ đề viết khác nhau và được tổ chức dưới dạng workshop có tính tương tác và thực hành cao. Khóa học tập trung hướng dẫn sinh viên những phạm trù ngôn ngữ và những kỹ thuật khác nhau để viết logic, hiệu quả trong từng phần của một báo cáo nghiên cứu. Sinh

viên tham gia khóa học sẽ thực hiện các hoạt động làm việc cá nhân, theo cặp và theo nhóm để phân tích các bài viết mẫu và áp dụng kỹ thuật được học vào thực hành viết.

#### **10.34. Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh (02 tín chỉ)**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học trong ngành tiếng Anh bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học bao gồm các khái niệm cơ bản, các nguyên tắc về nghiên cứu và các loại hình nghiên cứu khoa học. Học phần cũng tạo ra các cơ hội tiếp xúc và thực hành cơ bản đầu tiên nhằm tiến hành một nghiên cứu khoa học. Học phần có mối liên hệ gần gũi với các học phần: Viết khoa học và khóa luận tốt nghiệp.

#### **10.35. Cơ sở ngôn ngữ học (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho người học những tri thức tổng quan về ngôn ngữ học (bản chất xã hội và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của tín hiệu ngôn ngữ, nguồn gốc của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ theo nguồn gốc và loại hình...) và các phân ngành quan trọng của ngôn ngữ học (ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học, ngữ dụng học). Từ đó, giúp người học vận dụng thành thạo những tri thức về ngôn ngữ học để lí giải, phân tích các hiện tượng ngôn ngữ trong hoạt động giao tiếp.

#### **10.36. Ngữ pháp học (02 tín chỉ)**

Ngữ pháp học (Grammar) là một học phần bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức lý thuyết sâu, mang tính hệ thống về ngữ pháp tiếng Anh bao gồm kiến thức chủ yếu về từ loại (Từ, cụm từ) và cú pháp (Mệnh đề, các loại mệnh đề, Câu và các loại câu).

#### **10.37. Từ vựng - ngữ nghĩa học (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang bị cho sinh viên nắm bắt các đặc điểm về từ vựng của ngôn ngữ tiếng Anh như cấu tạo của từ: từ đơn, từ ghép, các kiểu tập hợp từ và mối quan hệ từ như: từ đồng âm, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và các phương pháp chuyển nghĩa của từ như: ẩn dụ, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh. Qua đó, SV có thể sử dụng linh hoạt ý nghĩa của từ nhằm biểu đạt mục đích mà người nói cần hướng tới.

#### **10.38. Ngữ âm - âm vị học (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản liên quan đến đặc điểm về ngữ âm, âm vị trong tiếng Anh nhằm giúp sinh viên có cái nhìn chi tiết hơn về hệ thống ngữ âm, âm vị, từ đó trau dồi và nâng cao khả năng phát âm chuẩn mực, nói tiếng Anh có ngữ điệu và có trọng âm nhằm thể hiện đầy đủ mục đích đa dạng của lời nói.

#### **10.39. Ngữ dụng học (02 tín chỉ)**



Đây là học phần tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm và vấn đề cơ bản trong nghiên cứu dụng học như: các khái niệm về quy chiếu, trực chỉ, các loại nghĩa hàm ẩn trong ngôn ngữ (tiền giả định, hàm ẩn hội thoại và hàm nghĩa), lý thuyết hành vi ngôn ngữ (lý thuyết của John L. Austin, lý thuyết của John R. Searle...) các nhân tố giao tiếp và quy tắc giao tiếp (vấn đề ngữ cảnh, diễn ngôn, các quy tắc về bảo tồn giá trị hữu ích, lịch sự, hợp tác hội thoại ...)... Đồng thời học phần cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng phương pháp phân tích, mô tả các vấn đề dụng học trong quá trình nghiên cứu ngôn ngữ và gợi mở những hướng tiếp cận mang tính dụng học trong việc nghiên cứu ngôn ngữ nói chung.

#### **10.40. Phân tích diễn ngôn (02 tín chỉ)**

Đây là học phần tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về diễn ngôn với tư cách là một đơn vị giao tiếp, với những hình thức thể hiện và chức năng cơ bản nhất. Học phần cũng giới thiệu những đặc điểm về chủ đề, cấu trúc nội dung và những kiểu mạch lạc quyết định sự tồn tại và hình thức của diễn ngôn. Học phần giới thiệu cách tiếp cận dụng học với phân tích diễn ngôn để người học nắm được mối liên quan chặt chẽ giữa chúng. Học phần cũng cung cấp cho người học lý thuyết về hành vi ngôn ngữ và việc sử dụng kiến thức nền trong phân tích diễn ngôn.

#### **10.41. Ngôn ngữ học đối chiếu (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về ngôn ngữ học đối chiếu Anh - Việt với các nội dung chính về lý thuyết cơ sở của ngôn ngữ học đối chiếu, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ, cũng như các bình diện đối chiếu ngôn ngữ: ngữ âm - âm vị, ngữ pháp, từ vựng - ngữ nghĩa và ngữ dụng, ...

#### **10.42. Cơ sở văn hóa Việt Nam (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho SV hệ thống kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam (các khái niệm; chức năng của văn hóa; loại hình văn hóa gốc nông nghiệp Việt Nam; văn hóa giao tiếp của người Việt Nam; quá trình giao lưu văn hóa và kinh nghiệm lịch sử của cha ông trong giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; thời cơ và thách thức mới trong phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay...). Từ đó, SV trong vai trò của GV phổ thông sau này biết vận dụng những kiến thức về văn hóa Việt Nam để tổ chức dạy học tích hợp, nhằm giáo dục cho học sinh về phẩm chất đạo đức, lối sống, nhân cách; đặc biệt là giáo dục phép ứng xử văn hóa trong nhà trường và xã hội. Mỗi SV trong vai trò GV phổ thông còn trở thành người chiến sĩ trên mặt trận bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa của dân tộc.

#### **10.43. Văn hóa Anh - Mỹ (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang

bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về đất nước, con người, địa lý, lễ hội, tôn giáo cũng như thái độ của người Anh, Mỹ, từ đó nâng cao năng lực sử dụng và giao tiếp tiếng Anh, cũng như bồi đắp thêm kiến thức đa văn hóa cho sinh viên.

#### **10.44. Văn học Anh - Mỹ (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Văn học Anh - Mỹ nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh - Mỹ. Thông qua các nhân vật được xây dựng trong tác phẩm và nhân sinh quan, thế giới quan mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm; học phần giúp thúc đẩy sự phát triển và định hướng về nhân cách của sinh viên, đồng thời giúp sinh viên cảm nhận được cái hay, cái đẹp trong các tác phẩm văn học. Việc nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nền Văn học Anh giúp sinh viên so sánh và liên hệ đến các tác phẩm văn học trong nền Văn học Việt Nam nhằm đạt được một cái nhìn tương đối bao quát về văn học nói chung.

#### **10.45. Giao tiếp liên văn hóa (02 tín chỉ)**

Đây là học phần bắt buộc dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về văn hóa và liên văn hóa: đa dạng văn hóa; sức văn hóa; thành tố của văn hóa; đặc trưng và chức năng của văn hóa; mối quan hệ và ảnh hưởng của văn hóa đối với xã hội, lịch sử, tôn giáo, bản sắc, ngôn ngữ, cảnh huống. Học phần cũng cung cấp những hiểu biết về giao tiếp và giao tiếp liên văn hóa: mục đích của giao tiếp; thành tố của giao tiếp; đặc trưng của giao tiếp; giao tiếp bằng lời; giao tiếp phi lời; nguyên tắc giao tiếp; ngữ cảnh giao tiếp; không gian, thời gian giao tiếp; giao tiếp và công nghệ.

#### **10.46. Kỹ năng thế kỷ 21 (02 tín chỉ)**

Đây là học phần tự chọn dành cho sinh viên đang theo học chuyên ngành Sư phạm tiếng Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết của thế kỷ 21 nhằm áp dụng vào trong thực tiễn cuộc sống nói chung và giảng dạy nói riêng. Những kỹ năng đó bao gồm: Nhóm kỹ năng học tập và sáng tạo 4Cs (Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề, Giao tiếp, Cộng tác, Đổi mới và Sáng tạo); Nhóm kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng sống (Tính linh hoạt và khả năng thích ứng, Sáng kiến & Tự định hướng, Các kỹ năng xã hội và đa văn hóa; Lãnh đạo & Trách nhiệm); Nhóm kỹ năng thông tin, truyền thông và công nghệ (sử dụng và khai thác thông tin, truyền thông, và công nghệ để phục vụ cho học tập và cuộc sống). Học phần cũng cung cấp những tình huống trong cuộc sống và giảng dạy để sinh viên có cơ hội được áp dụng những kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề.

#### **10.47. Lý thuyết dịch (02 tín chỉ)**

Học phần Lý thuyết dịch, sinh viên sẽ có khả năng nắm được: lý thuyết biên dịch, khái niệm biên dịch, các bước thực hiện một bản dịch, tiêu chí đánh giá một bản dịch, các nguyên tắc biên dịch, phân tích văn bản, mục đích của tác giả, văn phong, chất lượng văn

bản, sắc thái nghĩa biểu vật và biểu niệm, yếu tố văn hoá trong văn bản, các phương pháp biên dịch, biên dịch từng từ, biên dịch theo nghĩa đen, biên dịch sát, biên dịch ý, biên dịch chuyển đổi, biên dịch tự do, biên dịch nghĩa bóng, biên dịch giao tiếp. Sinh viên sẽ có khả năng nắm được: lý thuyết phiên dịch, các hình thức phiên dịch, phiên dịch đoạn ngôn bản, phiên dịch đuôi, phiên dịch song hành, phiên dịch tóm tắt, kỹ năng phiên dịch viên, kỹ năng nghe, kỹ năng ghi nhớ, kỹ năng ghi tốc ký, kỹ năng chuyển dịch, kỹ năng tái tạo ngôn bản, các vấn đề phiên dịch viên hay gặp và cách khắc phục, khó khăn về từ vựng chuyên ngành, hạn chế về kiến thức nền.

#### **10.48. Dịch câu (02 tín chỉ)**

Học phần Dịch câu tập trung vào vấn đề: Dịch câu đơn lẻ bảo đảm hình thức và nội dung. Học phần có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng: Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch câu song ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa, từ vựng bậc cao: phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp, ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ.

#### **10.49. Dịch văn bản (02 tín chỉ)**

Học phần Dịch văn bản tập trung vào vấn đề: Biên dịch các văn bản chuyên ngành hẹp nhưng không quá chuyên sâu, có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

+ Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch văn bản chuyên ngành hẹp nhưng không quá chuyên sâu.

+ Từ vựng bậc cao: theo các chủ đề: đất nước và con người, kinh tế, chính trị và xã hội, môi trường và du lịch, y tế và giáo dục, văn hoá và thể thao, khoa học và công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp, văn học; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, tiếng lóng, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, nghĩa: văn bản, tu từ, chơi chữ.

#### **10.50. Dịch phát ngôn (02 tín chỉ)**

Học phần Dịch phát ngôn tập trung vào các vấn đề:

- Nghe và dịch các tiêu đề tin, từng phát ngôn của tin vắn, đoạn đàm thoại bảo đảm hình thức và nội dung

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

+ Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch phát ngôn song ngữ: từ vựng, ngữ pháp, ngữ nghĩa.

+ Từ vựng bậc cao theo chủ đề: đất nước và con người, kinh tế, chính trị và xã hội, môi trường và du lịch, y tế và giáo dục, văn hoá và thể thao, khoa học và công nghệ, công nghiệp và nông nghiệp, văn học; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng.

+ Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ.

### **10.51. Dịch ngôn bản (02 tín chỉ)**

Học phần Dịch ngôn bản tập trung vào các vấn đề:

- Nghe và dịch các bài phát biểu, diễn văn, bản tin chi tiết, báo cáo khoa học

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

+ Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong dịch ngôn bản.

+ Từ vựng bậc cao: thuộc các lĩnh vực cuộc sống và công tác hàng ngày; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: nói/viết, trang trọng/không trang trọng.

+ Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, tiếng lóng, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, nghĩa: văn bản, tu từ, chơi chữ.

+ Kỹ năng nghe nhớ 3-5 câu, nghe ghi một đoạn, và kỹ thuật dịch từng đoạn, dịch đuổi, đối với các ngôn bản.

### **10.52. Công nghệ trong dịch thuật (02 tín chỉ)**

Học phần Công nghệ trong dịch thuật được thiết kế cho đối tượng là sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh muốn ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong học tập các kỹ năng thực hành tiếng và trong công tác biên-phiên dịch. Mỗi bài học sẽ được thiết kế dưới dạng một workshop có tính tương tác và thực hành cao. Người học được thảo luận về các mẹo áp dụng các công cụ trong từng lĩnh vực như trong việc học tập các kỹ năng thực hành tiếng và trong công tác biên-phiên dịch. Sau đó, người học sẽ được hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số công cụ và áp dụng công cụ đó vào thực hành việc học tập hoặc các hoạt động chuyên môn liên quan đến biên-phiên dịch.

Về hình thức học, học phần được thiết kế với hình thức tích hợp (blended learning). Học phần sẽ được tích hợp phần học trực tiếp trên lớp với phần nội dung tự học và thực hành trên giao diện Microsoft 365. Vì đây là một khóa học mang tính thực hành và tự tìm hiểu rất cao, vai trò tự học của người học cần được phát huy trong khóa học này.

### **10.53. Đánh giá chất lượng bản dịch (02 tín chỉ)**

Học phần giới thiệu các nội dung, lý thuyết, phương pháp và quy trình thường được áp dụng để đánh giá và thẩm định chất lượng bản dịch tại Việt Nam. Qua khóa học, giáo viên sẽ giúp sinh viên: i) hiểu được vai trò của việc đánh giá chất lượng bản dịch (Translation Quality Assessment), cũng như các đường hướng chính được áp dụng để đánh giá các loại văn bản khác nhau; và ii) có khả năng xác định và chữa các lỗi trong

các bản dịch để cải thiện chất lượng bản dịch. Các văn bản được sử dụng trong khóa học bao gồm các bản dịch Việt-Anh và Anh - Việt thuộc nhiều thể loại khác nhau.

**10.54. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 1 (02 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sử dụng tiếng Anh trong công tác du lịch, cụ thể là khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và các cấu trúc câu, các văn bản tiếng Anh cần thiết liên quan đến các công việc phải xử lý trong các loại hình dịch vụ du lịch người học phải nắm vững, đồng thời rèn luyện cho người học có được các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở trình độ trung cấp 3 ( Intermediate level) trong các khâu của mỗi loại hình dịch vụ và các tình huống giao tiếp thường gặp trong công tác du lịch nói chung.

**10.55. Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 2 (02 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về sử dụng tiếng Anh trong công tác du lịch, cụ thể là khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và các cấu trúc câu, các văn bản tiếng Anh cần thiết liên quan đến các công việc phải xử lý trong các loại hình dịch vụ du lịch người học phải nắm vững, đồng thời rèn luyện cho người học có được các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong công tác du lịch ở trình độ cao cấp(Upper-Intermediate level) trong các khâu của mỗi loại hình dịch vụ du lịch và các tình huống thường gặp trong công tác du lịch nói chung.

**10.56. Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch (02 tín chỉ)**

Học phần Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch tập trung vào vấn đề: Biên dịch Anh - Việt, Việt - Anh các văn bản chuyên ngành Du lịch, có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:

- + Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong biên dịch văn bản chuyên ngành Du lịch
- + Từ vựng bậc cao về chủ đề du lịch, các thuật ngữ chuyên ngành Du lịch sử dụng trong các loại hình dịch vụ du lịch
- + Ngữ pháp bậc cao: các cấu trúc câu, cụm từ thường sử dụng trong các văn bản chuyên ngành Du lịch có văn phong trang trọng.

**10.57. Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch (02 tín chỉ)**

Học phần Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch tập trung vào vấn đề: Nghe và dịch các mẫu hội thoại, đàm thoại tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành Du lịch, các loại hình dịch vụ du lịch và trong các tình huống của công tác du lịch

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kỹ năng:
- + Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Du lịch.

+ Từ vựng bậc cao: thuộc các chủ điểm về du lịch và các loại hình dịch vụ du lịch; phân biệt đồng nghĩa theo tiêu chí: nói/viết, trang trọng/không trang trọng, đen/bóng, từ vựng/ngữ pháp.

+ Ngữ pháp bậc cao: văn phong của ngôn ngữ nói trang trọng và không trang trọng.

+ Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, tiếng lóng, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, nghĩa: văn bản, tu từ, chơi chữ.

+ Kỹ năng nghe nhớ 3-5 câu, nghe ghi một đoạn, và kỹ thuật dịch từng đoạn, dịch đỏi đối với các phát ngôn của người nói.

### **10.58. Tổng quan Du lịch (02 tín chỉ)**

Học phần giúp người học có được những tri thức tổng quan về hoạt động du lịch và khoa học du lịch; quá trình hình thành và phát triển của ngành du lịch thế giới và Việt Nam; các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch; mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác; thời vụ, đặc điểm và biện pháp khắc phục tính thời vụ du lịch; nhiệm vụ và vai trò của người làm du lịch...

### **10.59. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch (02 tín chỉ)**

Học phần tập trung vào việc trang bị cho SV những kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ của nghề hướng dẫn; quy trình tổ chức, phục vụ hướng dẫn tham quan cho khách du lịch. Nội dung của học phần này có liên quan đến kiến thức và kỹ năng của học phần: Tổng quan du lịch, Du lịch văn hóa, Tuyển điểm du lịch... Học phần có mối quan hệ trực tiếp với hệ thống khối kiến thức trong chuyên ngành đồng thời có mối liên hệ chặt chẽ với các môn nghiệp vụ du lịch trong chương trình.

### **10.60. Tiếng Anh Văn phòng 1 (02 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh Văn phòng 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sử dụng tiếng Anh trong công tác văn phòng, cụ thể là khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và các cấu trúc câu, các văn bản tiếng Anh cần thiết liên quan đến các công việc phải xử lý trong các công việc ở văn phòng người học phải nắm vững, đồng thời rèn luyện cho người học có được các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở trình độ trung cấp 3 ( Intermediate level) trong các khâu của mỗi loại công việc văn phòng và các tình huống giao tiếp thường gặp trong công tác văn phòng nói chung.

### **10.61. Tiếng Anh Văn phòng 2 (02 tín chỉ)**

Học phần Tiếng Anh Văn phòng 2 cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu và nâng cao về sử dụng tiếng Anh trong công tác văn phòng, cụ thể là khối lượng kiến thức từ vựng, ngữ pháp tiếng Anh cơ bản và các cấu trúc câu, các văn bản tiếng Anh cần thiết liên quan đến các công việc phải xử lý trong các công việc ở văn phòng người học phải nắm vững, đồng thời rèn luyện cho người học có được các kỹ năng giao sử dụng tiếng Anh trong công tác văn phòng ở trình độ cao cấp (Upper-Intermediate level) trong các khâu của mỗi loại công việc văn phòng và các tình huống thường gặp trong công tác

văn phòng nói chung.

### **10.62. Biên dịch tiếng Anh Văn phòng (02 tín chỉ)**

Học phần Biên dịch tiếng Anh chuyên ngành Văn phòng tập trung vào vấn đề: Nghiên cứu và biên dịch các loại văn bản, giấy tờ, báo cáo, các bản hợp đồng, kí kết thỏa thuận, biên bản có liên quan đến công việc nơi công sở, nội dung các quy trình công việc cụ thể ở văn phòng

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng:
- + Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong biên dịch tiếng Anh Văn phòng.
- + Từ vựng thuộc các quy trình công việc và công tác văn phòng
- + Ngữ pháp: ngôn ngữ trên văn bản có văn phong trang trọng
- + Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, thành ngữ trong kinh doanh, hình tượng ngôn ngữ
- + Kỹ thuật biên dịch từng loại văn bản, giấy tờ ở văn phòng như biên bản các cuộc họp, biên bản ghi nhớ, hợp đồng kinh tế, kí kết thỏa thuận, các loại báo cáo công việc theo định kỳ (báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo quý, báo cáo năm), thư tín, công văn, văn bản giao dịch...

### **10.63. Phiên dịch tiếng Anh Văn phòng (02 tín chỉ)**

Học phần Phiên dịch tiếng Anh chuyên ngành Văn phòng tập trung vào vấn đề: Nghe và dịch các tình huống giao tiếp trong công tác văn phòng, các mẫu hội thoại liên quan đến công việc nơi công sở, nội dung các quy trình công việc cụ thể ở văn phòng

- Có mối quan hệ trực tiếp với những nội dung kiến thức, kĩ năng:
- + Kiến thức ngôn ngữ và văn hóa và các yếu tố tương đồng và dị biệt liên quan đến ngôn ngữ và văn hóa trong phiên dịch tiếng Anh Văn phòng.
- + Từ vựng thuộc các quy trình công việc và công tác văn phòng
- + Ngữ pháp: ngôn ngữ nói có văn phong trang trọng
- + Ngữ nghĩa: động từ đa thành tố, đặc ngữ, thành ngữ, hình tượng ngôn ngữ, tục ngữ, tu từ
- + Kỹ năng nghe nhớ 3-5 câu, nghe ghi một đoạn, và kỹ thuật dịch từng đoạn, dịch từng mẫu hội thoại ngắn nơi công sở, dịch bài phát biểu trong các cuộc họp, các tình huống giao tiếp bằng tiếng Anh ở văn phòng, các buổi đàm phán, kí kết hợp đồng

### **10.64. Tổng quan Hành chính - Văn phòng (02 tín chỉ)**

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức tổng quan về công tác văn phòng các cấp như: Khái niệm, vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ, bộ máy tổ chức, đặc điểm, nguyên tắc hoạt động của văn phòng cấp ủy, phương thức điều hành công tác văn phòng.

### **10.65. Nghiệp vụ thư ký Văn phòng (02 tín chỉ)**

Học phần Nghiệp vụ thư ký văn phòng trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận về thư ký văn phòng: khái niệm, chức năng, nhiệm vụ, vị trí của người thư ký văn

phòng; những năng lực và phẩm chất cần thiết đối với thư ký văn phòng; kiến thức cơ bản về một số nghiệp vụ của người thư ký văn phòng như: thu thập và cung cấp thông tin cho lãnh đạo, tiếp khách, đãi khách, tổ chức hội họp, tổ chức chuyến đi công tác.

**10.66. Thực tập chuyên ngành 1 (03 tín chỉ)**

**10.67. Thực tập chuyên ngành 2 (04 tín chỉ)**

**10.68. Khóa luận tốt nghiệp (07 tín chỉ)**

**10.69. Thực hành Biên - Phiên dịch nâng cao (4 tín chỉ)**

Học phần được thiết kế dành cho sinh viên cử nhân ngôn ngữ Anh nhằm hỗ trợ sinh viên củng cố và phát triển những kỹ thuật và phương pháp biên-phiên dịch Anh Việt - Việt Anh các tài liệu học thuật và chuyên sâu. Thông qua các bài dịch đa dạng, học phần mở rộng vốn từ vựng và cấu trúc ngữ pháp chuyên sâu theo từng chủ đề cho sinh viên. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội thực hành dịch nói-dịch viết trên lớp và trong môi trường thực trong suốt khóa học. Từ đó, hỗ trợ sinh viên hoàn thiện kỹ năng và tác phong nghề nghiệp của một biên-thông dịch viên. Thêm vào đó, học phần củng cố thêm kỹ năng về ứng dụng CNTT trong dịch thuật và kỹ năng làm việc theo nhóm, theo cặp để hợp tác và quản lý sản phẩm biên-phiên dịch.

**10.70. Phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ (03 tín chỉ)**

Học phần này dành cho các sinh viên năm thứ tư ngành cử nhân Sư phạm Anh và Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng tiếng Anh chuyên sâu, phát triển tổng hợp kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên bao gồm kỹ năng Đọc, Viết, Ngữ pháp và Từ vựng ở mức độ nâng cao tương đương trình độ C1+ (bậc 5). Bên cạnh đó học phần cũng trang bị cho giúp sinh viên những kỹ thuật làm bài thi của các kỳ thi tiếng Anh phổ biến như VSTEP, TOEFL, IELTS.

**10.71. Ngôn ngữ học xã hội (03 tín chỉ)**

Học phần Ngôn ngữ học xã hội nhằm cung cấp kiến thức đại cương về ngôn ngữ học xã hội, nói cách khác, về mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Nội dung chính của học phần bao gồm Quá trình ra đời và phát triển của ngôn ngữ, Các biến thể của ngôn ngữ, Các loại hình ngôn ngữ, Tiếng Anh là ngôn ngữ toàn cầu, Tiếng Anh là ngôn ngữ cầu nối, Ngôn ngữ xã hội học và Giảng dạy ngôn ngữ.

**11. Hướng dẫn thực hiện và đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo**

**11.1. Hướng dẫn thực hiện**

Chương trình đào tạo được triển khai thực hiện tuân thủ Quy định đào tạo đại học hiện hành của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Trong đó:

**11.1.1. Tổ chức lớp học**

Sinh viên khi nhập học sẽ được tổ chức thành lớp ngành học và sau đó tham gia vào các lớp học phần:

- a) Lớp ngành học



Lớp ngành học là lớp được tổ chức từ đầu khóa học bao gồm những sinh viên cùng khóa học và cùng ngành đào tạo. Mỗi lớp ngành học được bố trí một giảng viên làm cố vấn học tập.

#### b) Lớp học phần

Lớp học phần là lớp được tổ chức cho những sinh viên cùng học một học phần theo cùng thời khoá biểu, và được tổ chức dựa trên đăng ký học tập của sinh viên ở từng học kỳ.

Dựa vào dự báo và kết quả thực tế về số lượng sinh viên đăng ký học trong mỗi học kỳ, nhà trường có thể tổ chức nhiều lớp học (hoặc không tổ chức lớp học) cho một học phần. Số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học được quy định phù hợp với tính chất của từng học phần và điều kiện thực tế của trường.

Khoa quản lí học phần có trách nhiệm chuyển danh sách sinh viên lớp học phần cho giảng viên giảng dạy học phần đó vào 2 thời điểm: Đầu học kì và sau khi có danh sách chính thức. Danh sách sinh viên chính thức của lớp học phần được chốt trong tuần thứ 6 của học kì chính và tuần thứ 3 của học kì phụ.

#### 11.1.2. Đăng kí khối lượng học tập

##### a) Khối lượng học tập trong mỗi học kỳ

Khối lượng tối thiểu không ít hơn  $2/3$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá  $3/2$  khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn.

##### b) Đăng ký học

Đầu mỗi năm học, Nhà trường thông báo lịch trình học dự kiến cho Chương trình đào tạo trong từng học kỳ, dự kiến quy mô và số lớp học phần sẽ mở, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ giảng dạy, thời khoá biểu các lớp học, đề cương chi tiết và điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, dự kiến lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

- Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, từng sinh viên phải đăng ký học các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó. Nhà trường tổ chức 3 đợt đăng ký học trong mỗi học kỳ: đăng ký sớm, đăng ký bình thường và đăng ký muộn. Đăng ký sớm được thực hiện trước thời điểm bắt đầu học kỳ khoảng 1 tháng. Đăng ký bình thường được thực hiện khoảng 2 tuần trước thời điểm bắt đầu học kỳ. Đăng ký muộn được thực hiện trong khoảng 2 tuần lễ đầu của mỗi học kỳ hoặc trong tuần lễ đầu của học kỳ phụ cho những sinh viên muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký học đổi sang học phần khác khi không có lớp học.

- Riêng đối với học kỳ đầu tiên của khóa học, Nhà trường tổ chức đăng ký học tập đồng loạt cho các lớp, ngành học; sinh viên có thể đăng ký học bổ sung học phần hoặc học vượt trước ở đợt đăng ký muộn nếu điều kiện cho phép.

- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của Chương trình đào tạo.

c) Đăng ký học lại

- Trường hợp thứ nhất: Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp sau cho đến khi đạt tối thiểu điểm D. Số lần học lại không hạn chế. Nếu học phần tương đương không còn mở lớp (do chương trình đào tạo thay đổi), sinh viên phải đăng ký học lại và tích lũy các học phần thay thế theo danh mục đã được trường công bố chính thức. Danh mục học phần thay thế do Trường đơn vị đào tạo đề xuất và được Hiệu trưởng ra quyết định công bố chính thức.

- Trường hợp thứ hai: Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác.

Đăng ký học lại để cải thiện điểm trung bình tích lũy:

Ngoài hai trường hợp đăng ký học lại ở trên, sinh viên được phép đăng ký học lại hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác (nếu là học phần tự chọn) đối với các học phần có điểm từ D để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Sinh viên học lại học phần nào phải nộp học phí học phần đó theo quy định của Nhà trường.

d) Rút bớt học phần đã đăng ký

Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký đối với năm học có 02 học kỳ chính, được thực hiện sau 2 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 5 tuần, sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ phụ và không muộn quá 2 tuần; đối với năm học có 03 học kỳ chính, được thực hiện sau 1 tuần kể từ đầu học kỳ chính và không muộn quá 3 tuần. Ngoài thời hạn trên học phần vẫn được giữ trong phiếu đăng ký học và nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm 0.

*11.1.3. Xếp hạng học lực và năm đào tạo*

a) Sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Theo thang điểm 4:

- + Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- + Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- + Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- + Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
- + Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
- + Dưới 1,0: Kém.

- Theo thang điểm 10:

- + Từ 9,0 đến 10,0: Xuất sắc;
- + Từ 8,0 đến cận 9,0: Giỏi;
- + Từ 7,0 đến cận 8,0: Khá;
- + Từ 5,0 đến cận 7,0: Trung bình;
- + Từ 4,0 đến cận 5,0: Yếu;
- + Dưới 4,0: Kém.

b) Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;
- Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;
- Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;
- Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;
- Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

## **11.2. Hướng dẫn đảm bảo chất lượng**

### *11.2.1. Rà soát, điều chỉnh thường xuyên chương trình đào tạo*

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát, cập nhật tối thiểu 2 năm một lần và thường xuyên rà soát trong quá trình thực hiện.

- Việc rà soát chương trình đào tạo được thực hiện: căn cứ mức độ đáp ứng các yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, và các quy định hiện hành khác có liên quan; dựa trên kết quả đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phản hồi của các bên liên quan.

- Kết quả rà soát chương trình đào tạo được sử dụng để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

### *11.2.2. Đánh giá tổng thể chương trình đào tạo*

Chu kỳ đánh giá tổng thể chương trình đào tạo là 05 năm; quy trình đánh giá tổng thể tương tự với quy trình xây dựng mới chương trình đào tạo.

### *11.2.3. Công bố công khai chương trình đào tạo*

Hiệu trưởng công bố chương trình đào tạo dưới dạng chương trình đào tạo mới hoặc chương trình đào tạo sửa đổi, bổ sung sau khi được đánh giá và cập nhật.

Chương trình đào tạo (gồm Mô tả chương trình đào tạo và 100% đề cương chi tiết các học phần) được công bố công khai để các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học,...) có thể tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

### *11.2.4. Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo*

Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo được thực hiện với quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quy trình kiểm định chất lượng (gồm: tự đánh giá, đánh giá ngoài, công nhận đạt chuẩn chất lượng), chương trình đào tạo được đối sánh với với tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Kết quả tự đánh giá, đánh giá ngoài được sử dụng làm căn cứ xây dựng và triển khai kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chất lượng.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Quang Huy**